Tế bào HT-1080

300216

Tế bào HT-1080, được phân lập từ mô liên kết của một bệnh nhân nam 35 tuổi mắc bệnh Fibrosarcoma vào năm 1972, được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu cơ chế xâm lấn và di căn của khối u do tính chất xâm lấn và hung hãn cao của chúng.
Tế bào HT-1080 đã được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu liên quan đến di chuyển tế bào, thử nghiệm xâm lấn và kiểm tra các hợp chất chống ung thư. Trong lĩnh vực phát triển điều trị, tế bào HT-1080 được sử dụng trong việc sàng lọc thuốc chống ung thư và đánh giá tác động của chúng đối với sự sống còn của tế bào, quá trình apoptosis và tiềm năng di căn.
Tế bào HT-1080 cũng được sử dụng trong nghiên cứu tập trung vào ma trận ngoại bào, quá trình tạo mạch máu và vai trò của các gen và protein khác nhau trong sự tiến triển của ung thư. Tế bào HT-1080 sản xuất các enzym metalloproteinase ma trận (MMPs), các enzym phân hủy các thành phần của ma trận ngoại bào và đóng vai trò quan trọng trong quá trình xâm lấn và di căn của khối u. Tính năng này khiến dòng tế bào HT-1080 trở nên hữu ích cho các nghiên cứu về điều hòa MMPs và các chất ức chế của chúng.
Tóm lại, dòng tế bào HT-1080, với các ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu ung thư, mô hình bám dính, di chuyển và xâm lấn tế bào, cũng như trong phát triển chiến lược điều trị, tiếp tục là một nguồn tài nguyên quý giá trong nghiên cứu ung thư.

GENERAL INFORMATION

Description

Tế bào HT-1080, được phân lập từ mô liên kết của một bệnh nhân nam 35 tuổi mắc bệnh Fibrosarcoma vào năm 1972, được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu cơ chế xâm lấn và di căn của khối u do tính chất xâm lấn và hung hãn cao của chúng.
Tế bào HT-1080 đã được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu liên quan đến di chuyển tế bào, thử nghiệm xâm lấn và kiểm tra các hợp chất chống ung thư. Trong lĩnh vực phát triển điều trị, tế bào HT-1080 được sử dụng trong việc sàng lọc thuốc chống ung thư và đánh giá tác động của chúng đối với sự sống còn của tế bào, quá trình apoptosis và tiềm năng di căn.
Tế bào HT-1080 cũng được sử dụng trong nghiên cứu tập trung vào ma trận ngoại bào, quá trình tạo mạch máu và vai trò của các gen và protein khác nhau trong sự tiến triển của ung thư. Tế bào HT-1080 sản xuất các enzym metalloproteinase ma trận (MMPs), các enzym phân hủy các thành phần của ma trận ngoại bào và đóng vai trò quan trọng trong quá trình xâm lấn và di căn của khối u. Tính năng này khiến dòng tế bào HT-1080 trở nên hữu ích cho các nghiên cứu về điều hòa MMPs và các chất ức chế của chúng.
Tóm lại, dòng tế bào HT-1080, với các ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu ung thư, mô hình bám dính, di chuyển và xâm lấn tế bào, cũng như trong phát triển chiến lược điều trị, tiếp tục là một nguồn tài nguyên quý giá trong nghiên cứu ung thư.

Disease	U xơ sợi

Synonyms

- Ht-1080
- HT 1080
- HT1080
- HT 1080.T

CLASSIFICATION

Organism	Human
Sex	Male
Growth properties	Adherent
Biosafety level	1

CHARACTERISTICS

Morphology	Tương tự biểu mô
Cell type	Tế bào sợi
Tumourigenic	Đúng, ở chuột bị ức chế miễn dịch

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB

Karyotype

Số mô-đun: 2n=46, bán lưỡng bội

IDENTIFIERS

Citation

HT-1080 (Số catalog Cytion 300216)

NCBI TaxID	9606
Cellosaurus	CVCL_0317

EXPRESSION AND SUSCEPTIBILITY

Isoenzymes

G6PD, B

Oncogenes

Ras+

Virus susceptibility

Vi-rút polio type 1, vi-rút viêm miệng mụn nước (Indiana), RD114, vi-rút leukemia mèo (FeLV)

Reverse transcriptase	Tiêu cực

HANDLING AND CULTURE

Culture medium

EMEM (MEM Eagle), chứa: 2 mM L-Glutamine, chứa: 2,2 g/L $NaHCO_3$, chứa: EBSS (Số hiệu sản phẩm Cytion 820100a)

Incubation atmosphere	37°C, 5%CO_2, môi trường ẩm.

Supplements

Bổ sung vào môi trường nuôi cấy 10% huyết thanh bò phôi (FBS) và 1% NEAA

Dissociation reagent	Accutase

Subculturing

Loại bỏ môi trường nuôi cấy cũ khỏi các tế bào bám dính và rửa chúng bằng PBS không chứa canxi và magiê. Đối với bình T25, sử dụng 3-5 ml PBS, và đối với bình T75, sử dụng 5-10 ml. Sau đó, phủ hoàn toàn các tế bào bằng Accutase, sử dụng 1-2 ml cho bình T25 và 2,5 ml cho bình T75. Để tế bào ủ ở nhiệt độ phòng trong 8-10 phút để tách chúng ra. Sau khi ủ, nhẹ nhàng trộn tế bào với 10 ml môi trường để tái phân tán chúng, sau đó ly tâm ở 300xg trong 3 phút. Loại bỏ dịch trên, tái phân tán tế bào trong môi trường tươi và chuyển chúng vào các bình mới đã chứa môi trường tươi.

Seeding density	1 × 10^4 tế bào/cm^2
Fluid renewal	Mỗi 3 ngày
Post-thaw recovery	Sau khi rã đông, cấy tế bào với mật độ 5 x 10^4 tế bào/cm^2 và để tế bào phục hồi sau quá trình đông lạnh và bám dính ít nhất 24 giờ.

Thawing and culturing

Confirm that the vial remains deeply frozen upon delivery, as cells are shipped on dry ice to maintain optimal temperatures during transit.
Upon receipt, either store the cryovial immediately at temperatures below -150°C to ensure the preservation of cellular integrity, or proceed to step 3 if immediate culturing is required.
For immediate culturing, swiftly thaw the vial by immersing it in a 37°C water bath with clean water and an antimicrobial agent, agitating gently for 40-60 seconds until a small ice clump remains.
Perform all subsequent steps under sterile conditions in a flow hood, disinfecting the cryovial with 70% ethanol before opening.
Carefully open the disinfected vial and transfer the cell suspension into a 15 ml centrifuge tube containing 8 ml of room-temperature culture medium, mixing gently.
Centrifuge the mixture at 300 x g for 3 minutes to separate the cells and carefully discard the supernatant containing residual freezing medium.
Gently resuspend the cell pellet in 10 ml of fresh culture medium. For adherent cells, divide the suspension between two T25 culture flasks; for suspension cultures, transfer all the medium into one T25 flask to promote effective cell interaction and growth.
Adhere to established subculture protocols for continued growth and maintenance of the cell line, ensuring reliable experimental outcomes.

QUALITY CONTROL AND CRYOPRESERVATION

Sterility

Sự nhiễm khuẩn Mycoplasma được loại trừ bằng cả các phương pháp xét nghiệm dựa trên PCR và các phương pháp phát hiện Mycoplasma dựa trên phát quang.
Để đảm bảo không có nhiễm khuẩn vi khuẩn, nấm hoặc men, các mẫu nuôi cấy tế bào được kiểm tra trực quan hàng ngày.

Freeze medium	Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh (bao gồm FBS) + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sau khi rã đông, hoặc CM-1 (mã sản phẩm Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để cải thiện quá trình phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra.

Storage conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng −150 đến −196 °C. Việc bảo quản ở −80 °C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Shipping conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng −78 °C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

DONOR

Donor age	35 năm
Ethnicity	Người da trắng

LEGAL AND SAFETY

Safety precautions

Khi lập kế hoạch lưu trữ ống cryovial trong nitơ lỏng để rã đông sau này, việc tuân thủ các biện pháp an toàn nghiêm ngặt là bắt buộc. Găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp là điều cần thiết, và việc sử dụng khẩu trang hoặc kính bảo hộ là bắt buộc trong quá trình chuyển mẫu đông lạnh vào hoặc ra khỏi bể nitơ lỏng. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ chấn thương do nổ ống cryovial khi lấy ra, có thể dẫn đến việc văng ra các mảnh vỡ sắc nhọn.

Warranty

Tại Cytion, chúng tôi cam kết về chất lượng và khả năng sống của các sản phẩm của mình.
Chúng tôi đảm bảo rằng các tế bào của chúng tôi sẽ có khả năng sống tại thời điểm bắt đầu nuôi cấy trong
60 ngày kể từ khi vận chuyển từ cơ sở của chúng tôi.
Chúng tôi cam kết rằng tất cả các vật liệu tuân thủ các thông số kỹ thuật được mô tả trong
Giấy chứng nhận phân tích và/hoặc Tài liệu sản phẩm.
Để biết chi tiết đầy đủ, vui lòng tham khảo
<a href=""/Who-we-are/Warranty/"" hreflang=""x-default"">Tuyên bố Bảo hành.

Material Transfer Agreement required	Yes

Cytion GmbH
Nikola-Tesla-Str. 3
69124 Heidelberg
Tel: +49 (0)6221 405780
info@cytion.com
cytion.com

Registered office Heidelberg
VAT ID: DE283292917
Local court Mannheim - HRB 714394
CEO / Geschäftsführer: Jonathan Steubing

Banking information
Sparkasse Heidelberg
IBAN: DE35 6725 0020 0009 2076 86
BIC: SOLADES1HDB